

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2023/HNGĐ-PT
Ngày 22 – 3 – 2023
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con, chia tài sản khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Ngọt

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thế Hồng
Ông Nguyễn Hữu Lương

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Hiền – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Phượng – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 35/2022/TLPT-HNGĐ ngày 24 tháng 11 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn”.

Do Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 94/2022/HNGĐ-ST ngày 21 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 556/2023/QĐPT-HNGĐ ngày 06 tháng 3 năm 2023; giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Phùng Văn C, sinh năm 1982;
Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre; (có mặt).
- *Bị đơn:* Chị Nguyễn Kim H, sinh năm 1992;
Hộ khẩu thường trú: ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre.
Chỗ ở hiện nay: ấp X, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre; (có mặt).
- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn anh Phùng Văn C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn đề ngày 14/4/2022, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn anh Phùng Văn C trình bày:

Anh và chị Nguyễn Kim H tự nguyện tìm hiểu, quen biết nhau nên tiến đến hôn nhân và có đăng ký kết hôn vào năm 2012 tại Ủy ban nhân dân xã T. Sau khi kết hôn, vợ chồng sinh sống ở ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre (tại nhà của cha mẹ ruột anh là ông Phùng Văn T và bà Trần Thị B), vợ chồng sống hạnh phúc được thời gian gần 07 năm, đến năm 2019 phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, mọi việc chị H làm đều không có hỏi ý kiến của anh, ngoài ra chị H không quan tâm chăm sóc lo lắng cho con. Vợ chồng anh còn sống chung nhà nhưng thực tế vợ chồng không còn quan tâm lẫn nhau từ năm 2019 đến nay, xem như đã ly thân nhau. Thời gian ly thân, anh và chị H không thể bàn bạc thỏa thuận hàn gắn tình cảm vợ chồng được. Nay anh vẫn giữ yêu cầu xin ly hôn với chị H vì vợ chồng khó có thể hàn gắn tình cảm vợ chồng với nhau.

Về con chung: anh và chị H có 02 con chung là cháu Phùng Minh H1, sinh ngày 28/4/2013 và cháu Phùng Khánh D sinh ngày 04/5/2018, hiện nay cháu D đang sống chung với anh và ông bà nội của cháu, còn cháu H1 đang sống chung với chị H do chị H đã trở về nhà cha mẹ ruột sinh sống. Chị H yêu cầu nuôi cháu H1 thì anh cũng đồng ý nhưng anh không cấp dưỡng nuôi con vì anh còn chăm lo, nuôi cháu D và do thu nhập mỗi tháng là 6.000.000 đồng (sáu triệu đồng) nên anh không đủ khả năng cấp dưỡng nuôi con. Nếu chị H không nuôi cháu H1 được thì anh sẽ nuôi cả 02 con chung và không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con. Do anh chỉ làm thuê là làm công cho chị ruột là Phùng Thị Mỹ H2 nên thu nhập hàng tháng trung bình là 6.000.000 (sáu triệu) đồng, ngoài ra khi số lượng dừa nhiều thì anh có phụ thêm việc khuân vác dừa vận chuyển lên xe tải với mức thu nhập thêm khoảng là 1.000.000 (một triệu) đồng mỗi tháng, do đó anh chỉ đồng ý lo cho con là cháu H1 theo khả năng của anh, khi nào có tiền nhiều thì cho nhiều, có ít thì cho ít chứ anh không đồng ý cấp dưỡng mỗi tháng theo yêu cầu của chị H; khi sống chung với chị H thì chị H có làm chung cơ sở chế biến dừa với anh với mức thu nhập của chị H3 khoảng 3.000.000 (ba triệu) đồng mỗi tháng. Anh chỉ đứng tên thay cho chị H2 trong giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh tên hộ kinh doanh là Phùng Văn C để chị H4 kinh doanh sản phẩm từ dừa nên chị H2 mới là chủ cơ sở kinh doanh. Anh làm công việc trông coi các nhân công làm cho chị H2 cũng như chi trả lương cho nhân công, ngoài ra còn làm công việc khuân vác dừa trái cho cơ sở kinh doanh của chị H2, các nhân công làm việc cho cơ sở kinh doanh của chị H2 đều biết chị H2 là chủ cơ sở kinh doanh, còn anh chỉ là người làm công cho cơ sở kinh doanh của chị H2.

Về tài sản chung: Anh và chị H có tài sản chung là 02 xe mô tô hiệu Nouvo biển số 71B2 – 350.36 trị giá hiện nay theo định giá là 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) và xe mô tô hiệu Future biển số 71B4 – 756.57 theo định giá là 12.000.000 đồng (mười hai triệu đồng) do anh đang đứng tên giấy chứng nhận đăng ký xe, cả

02 xe mô tô này do anh đang quản lý, sử dụng. Sau khi ly hôn, anh đồng ý chia chiếc xe mô tô hiệu Nouvo biển số 71B2 – 350.36 cho chị H (giao hiện vật) và đồng ý hoàn trả thêm 1.000.000 đồng là giá trị chênh lệch của 02 xe mô tô cho chị H, trường hợp chị H không nhận xe này thì anh không đồng ý hoàn trả giá trị bằng tiền của 02 xe mô tô cho chị H vì không có tiền để trả cho chị H. Anh không đồng ý giao xe mô tô hiệu Future cho chị H vì nguồn tiền mua xe mô tô hiệu Future này do anh đi làm thuê mà có rồi để dành tiền chơi hụi và đã lãnh tiền hụi để mua xe, nay anh còn nợ tiền hụi chết chưa đóng đủ cho chủ hụi, đồng thời lúc mua xe mô tô này anh và chị H đã ly thân nhau (mua đầu năm 2022, mua xe cũ của người khác), mặc dù anh và chị H lúc này còn sống chung nhà nhưng đã không còn nói chuyện, không còn quan tâm nhau, ai muốn làm việc gì thì làm mà không hỏi ý kiến nhau từ hơn một năm nay.

Về nợ chung: không có.

Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn chị Nguyễn Kim H trình bày:

Lời trình bày của anh C về thời gian, điều kiện kết hôn, quá trình chung sống là đúng. Tuy nhiên, nguyên nhân mất hạnh phúc chủ yếu là do vợ chồng có nhiều bất đồng quan điểm trong cuộc sống, bản thân chị vẫn quan tâm chăm sóc lo lắng cho chồng con. Trước đây vợ chồng chị còn sống chung nhà nhưng thực tế vợ chồng không còn quan tâm lẫn nhau, chị đã bỏ về nhà cha mẹ ruột ở cách nay khoảng 02 tháng. Nay anh C xin ly hôn thì chị đồng ý vì chị xét thấy vợ chồng không thể hàn gắn tình cảm vợ chồng với nhau được.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Phùng Minh H1, sinh ngày 28/4/2013 và cháu Phùng Khánh D sinh ngày 04/5/2018, hiện nay cháu H1 đang sống chung với chị tại nhà ông bà ngoại của cháu H1, còn cháu D đang sống chung với anh C bên nhà ông bà nội của cháu D. Nay chị yêu cầu nuôi cháu H1, anh C sẽ nuôi cháu D, chị yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi cháu H1 mỗi tháng là 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) do anh C có điều kiện thu nhập nhiều hơn chị (chị không biết là bao nhiêu nhưng nhiều hơn 6.000.000 đồng do anh C và chị H2 hùn vốn kinh doanh với nhau), hiện chị đã ly thân với anh C nên chưa có công việc ổn định, ai thuê gì làm đó nên hiện tại thu nhập trung bình mỗi ngày của chị chỉ khoảng hơn 100.000 (một trăm nghìn) đồng/ngày, hiện nay chị đang làm nghề bán vé số dạo.

Về tài sản chung: chị yêu cầu chia tài sản chung trong vụ án này với anh C như sau: 01 xe mô tô hiệu Future biển số 71B4 – 756,57 do anh C đang đứng tên giấy chứng nhận đăng ký xe, trị giá theo định giá là 12.000.000 đồng và 01 xe mô tô hiệu Nouvo biển số 71B2 – 350.36 do anh C đang đứng tên giấy chứng nhận đăng ký xe, trị giá theo định giá là 10.000.000 đồng, cả 02 xe mô tô này đều do anh C đứng tên sở hữu và đang quản lý, sử dụng xe. Nay chị yêu cầu Tòa án giải quyết chia đôi giá trị bằng tiền của 02 chiếc xe mô tô nêu trên với giá trị là 11.000.000 đồng (mười một triệu đồng) do anh C có trách nhiệm hoàn trả 11.000.000 đồng cho

chị, bởi vì chị không có nhu cầu nhận xe để sử dụng. Các tài sản chung khác giữa chị và anh C thì chị không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

Về nợ chung: không có.

Sau khi hòa giải không thành, Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc đưa vụ án ra xét xử.

Tại Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 94/2022/HN-ST ngày 21 tháng 9 năm 2022, Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc quyết định:

Căn cứ vào các Điều 55, 56, 59, 81, 82, 83, 84, 116, 117 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Phùng Văn C và chị Nguyễn Kim H.

Về con chung: Anh Phùng Văn C được trực tiếp nuôi con chung là cháu Phùng Khánh D, sinh ngày 04/5/2018, chị Nguyễn Kim H được trực tiếp nuôi con chung là cháu Phùng Minh H1, sinh ngày 28/4/2013; anh Phùng Văn C có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu H1 mỗi tháng là 1.500.000 (một triệu năm trăm nghìn) đồng. Thời hạn cấp dưỡng: tính từ tháng 10 năm 2022 cho đến khi cháu H1 đủ 18 tuổi. Phương thức cấp dưỡng: mỗi tháng cấp một lần.

Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng do các bên thỏa thuận; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi ly hôn, cha, mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình và các luật khác có liên quan. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình, yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về tài sản chung:

Chị H được chia đôi giá trị phần tài sản chung (xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, số loại Nouvo SX, biển số đăng ký 71B2-350.36 và xe mô tô nhãn hiệu Honda, số loại Future, biển số đăng ký 71B4-756.57) là 11.000.000 (mười một triệu) đồng, số tiền này do anh C có nghĩa vụ giao lại cho chị H.

Anh C được chia tài sản chung bằng hiện vật gồm: 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, số loại Nouvo SX, biển số đăng ký 71B2-350.36 và 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, số loại Future, biển số đăng ký 71B4-756.57; cả 02 xe mô tô này do anh C đang quản lý, sử dụng và đứng tên sở hữu trên giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô.

Về nợ chung: anh C và chị H thống nhất là không có nên không đề cập.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 03 tháng 10 năm 2022, nguyên đơn anh Phùng Văn C kháng cáo một phần bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 94/2022/HNGĐ-ST ngày 21/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, anh C yêu cầu sửa một phần bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm (về phần cấp dưỡng nuôi con) theo hướng: Anh đồng ý nuôi dưỡng con chung là cháu Phùng Khánh D sinh ngày 04/5/2018, còn chị H nuôi dưỡng con chung là cháu Phùng Minh Hiếu s ngày 28/4/2013, mỗi người nuôi một con, không ai cấp dưỡng nuôi con cho ai. Về tài sản chung: anh yêu cầu được nhận xe Honda Future biển số 71B4 – 756.57, còn xe Yamaha Nouvo SX biển số 71B2-350.36 anh đồng ý giao cho chị Nguyễn Kim H quản lý, sử dụng, anh không đồng ý hoàn trả ½ giá trị phần tài sản chung của 02 xe mô tô là 11.000.000 đồng cho chị H.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Nguyên đơn anh Phùng Văn C giữ nguyên yêu cầu kháng cáo về phần cấp dưỡng nuôi con, anh không đồng ý cấp dưỡng nuôi cháu H1 mỗi tháng 1.500.000 đồng, do thu nhập trung bình hàng tháng của anh chỉ có 6.000.000đ và anh còn phải trực tiếp nuôi cháu D.

Anh C tự nguyện rút kháng cáo về phần chia tài sản chung, anh đồng ý hoàn trả ½ giá trị phần tài sản chung của 02 xe mô tô là 11.000.000 (mười một triệu) đồng cho chị H, anh đồng ý nhận 02 xe theo như bản án sơ thẩm đã tuyên.

Chị Nguyễn Kim H tự nguyện không yêu cầu anh Phùng Văn C cấp dưỡng nuôi con là cháu Phùng Minh H1.

Các bên đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre phát biểu:

Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; những người tham gia tố tụng đã thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309, Điều 298, Điều 300 Bộ luật tố tụng dân sự, tuyên xử theo hướng: Đình chỉ xét xử

phúc thẩm đối với phần kháng cáo mà anh C tự nguyện rút tại phiên tòa phúc thẩm về chia tài sản chung; Chấp nhận kháng cáo của anh C về phần cấp dưỡng nuôi con; Sửa một phần bản án sơ thẩm; Công nhận sự thỏa thuận giữa anh C và chị H tại phiên tòa phúc thẩm về con chung: Anh C trực tiếp nuôi cháu Phùng Khánh D, sinh ngày 04/5/2018, chị Nguyễn Kim H trực tiếp nuôi cháu Phùng Minh H1, sinh ngày 28/4/2013; Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng. Xét kháng cáo của nguyên đơn anh Phùng Văn C và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre. Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về tố tụng: Nguyên đơn anh Phùng Văn C kháng cáo và thực hiện các thủ tục kháng cáo hợp lệ, trong thời hạn luật định nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

Về nội dung:

[1] Anh Phùng Văn C và chị Nguyễn Kim H kết hôn với nhau vào năm 2012 có đăng ký kết hôn, được cấp giấy chứng nhận kết hôn nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, anh C và chị H có thời gian sống hạnh phúc và có 02 con chung nhưng vì mâu thuẫn trong cuộc sống gia đình dẫn đến việc anh có xin ly hôn. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, anh C và chị H đều cho rằng mâu thuẫn của vợ chồng anh chị đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên đều có nguyện vọng được ly hôn với nhau nên Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh C với chị H là có căn cứ, phù hợp Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Cấp sơ thẩm giải quyết về tranh chấp nuôi con, cấp dưỡng nuôi con, về chia tài sản chung. Các bên đương sự không kháng cáo về hôn nhân, nợ chung. Viện kiểm sát cũng không có kháng nghị nên những nội dung này phát sinh hiệu lực phát luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 282 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Anh Phùng Văn C tự nguyện rút kháng cáo về phần chia tài sản chung, anh đồng ý hoàn trả $\frac{1}{2}$ giá trị phần tài sản chung của 02 xe mô tô là 11.000.000 (mười một triệu) đồng cho chị H, anh đồng ý nhận 02 xe mô tô theo như bản án sơ thẩm đã tuyên. Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 289 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm về phần chia tài sản chung do anh C tự nguyện rút kháng cáo tại phiên tòa phúc thẩm.

[3] Xét kháng cáo về phần cấp dưỡng nuôi con: anh Phùng Văn C kháng cáo không đồng ý cấp dưỡng nuôi cháu Phùng Minh H1 theo bản án sơ thẩm đã tuyên, anh cho rằng do thu nhập trung bình hàng tháng của anh chỉ có 6.000.000 đồng và anh còn phải trực tiếp nuôi cháu Phùng Khánh Dư . Tại phiên tòa phúc thẩm, chị

Nguyễn Kim H tự nguyện không yêu cầu anh Phùng Văn C cấp dưỡng nuôi con chung là cháu Phùng Minh H1. Hai bên thỏa thuận mỗi người nuôi dưỡng 01 con chung: anh C nuôi dưỡng cháu Phùng Khánh D, sinh ngày 04/5/2018; chị H nuôi dưỡng cháu Phùng Minh H1, sinh ngày 28/4/2013; hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con. Đây là sự tự nguyện thỏa thuận giữa anh C và chị H tại phiên tòa phúc thẩm, sự thỏa thuận này không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên được công nhận theo quy định tại Điều 300 Bộ luật tố tụng dân sự. Như vậy, kháng cáo của anh C về phần cấp dưỡng nuôi con là có căn cứ nên được chấp nhận.

[4] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn anh Phùng Văn C. Sửa một phần Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 94/2022/HNGĐ-ST ngày 21 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc (công nhận sự thỏa thuận giữa anh C và chị H về con chung) và sửa phần án phí cấp dưỡng, anh C không phải chịu án phí cấp dưỡng).

[6] Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo của anh C được chấp nhận nên anh C không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309, điểm c khoản 1 Điều 289, Điều 300 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn anh Phùng Văn C;

Sửa một phần Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 94/2022/HNGĐ-ST ngày 21 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre (về phần con chung).

Đình chỉ xét xử phúc thẩm về phần chia tài sản chung (do anh Phùng Văn C tự nguyện rút kháng cáo tại phiên tòa phúc thẩm).

Căn cứ vào các Điều 55, 56, 59, 81, 82, 83, 84, 116, 117 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Phùng Văn C và chị Nguyễn Kim H.

2. Công nhận sự thỏa thuận giữa anh Phùng Văn C và chị Nguyễn Kim H về con chung: Anh C được trực tiếp nuôi con chung là cháu Phùng Khánh D, sinh ngày 04/5/2018, chị Nguyễn Kim H được trực tiếp nuôi con chung là cháu Phùng Minh H1, sinh ngày 28/4/2013. Ghi nhận chị Nguyễn Kim H tự nguyện không yêu cầu

anh Phùng Văn C cấp dưỡng nuôi cháu Phùng Minh H1. Hai bên thỏa thuận không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, cha, mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình và các luật khác có liên quan. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình, yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung:

3.1. Chị Nguyễn Kim H được chia đôi giá trị phần tài sản chung (xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, số loại Nouvo SX, biển số đăng ký 71B2-350.36 và xe mô tô nhãn hiệu Honda, số loại Future, biển số đăng ký 71B4-756.57) là 11.000.000 (mười một triệu) đồng, số tiền này do anh Phùng Văn C phải có nghĩa vụ giao lại cho chị Nguyễn Kim H.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3.2. Anh Phùng Văn C được chia tài sản chung bằng hiện vật gồm: 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, số loại Nouvo SX, biển số đăng ký 71B2-350.36 và 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, số loại Future, biển số đăng ký 71B4-756.57; cả 02 xe mô tô này do anh C đang quản lý, sử dụng và đứng tên sở hữu trên giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô.

4. Về nợ chung: anh C và chị H thống nhất là không có nên không đề cập.

5. Về chi phí định giá tài sản là 400.000 đồng: anh Phùng Văn C và chị Nguyễn Kim H mỗi người phải chịu $\frac{1}{2}$ là 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng. Do chị

H đã tạm nộp xong nên buộc anh C phải có nghĩa vụ hoàn trả cho chị H ½ chi phí là 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng.

6. Án phí hôn nhân sơ thẩm: anh Phùng Văn C phải nộp 300.000 (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 000765 ngày 04/7/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre. Anh C đã nộp đủ án phí hôn nhân sơ thẩm.

7. Án phí sơ thẩm có giá ngạch:

7.1. Anh Phùng Văn C phải chịu 550.000 (năm trăm năm mươi nghìn) đồng.

7.2. Chị Nguyễn Kim H phải chịu 550.000 (năm trăm năm mươi nghìn) đồng nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 375.000 đồng theo biên lai thu số 0007698 ngày 23/8/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre. Chị H còn phải nộp tiếp số tiền án phí là 175.000 (Một trăm bảy mươi lăm nghìn) đồng.

8. Án phí phúc thẩm: anh Phùng Văn C không phải chịu án phí phúc thẩm. Hoàn trả cho anh Phùng Văn C số tiền tạm ứng án phí là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tiền số 0007771 ngày 03 tháng 10 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bến Tre;
- TAND huyện Mỏ Cày Bắc;
- Chi cục THADS huyện Mỏ Cày Bắc;
- Các đương sự;
- Phòng KTNV&THAHS tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Ngọt